

# THỰC TRẠNG SỨC KHỎE RĂNG MIỆNG CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC SƠN, KIẾN AN, HẢI PHÒNG 2009

PHẠM VĂN LIỆU - Trường Đại học Y Hải Phòng

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** nghiên cứu nhằm khảo sát tình trạng sức khỏe răng miệng và nhu cầu điều trị của học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn, Kiến An, Hải Phòng. **Phương pháp:** nghiên cứu cắt ngang mô tả, **Đối tượng:** Mẫu nghiên cứu gồm 821 học sinh, được khám tình trạng sâu răng và nha chu, sử dụng các chỉ số theo phương pháp điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng của Tổ chức Sức khỏe Thế giới năm 1997. **Kết quả:** Tỷ lệ sâu răng 66,02%, chỉ số SMTR là 0,8. Số trung bình phần hàm bình thường là 2,80. có chảy máu là 1,60. có cao răng là 1,60. **Kết luận:** khảo sát cho thấy cần thiết phải điều trị sớm, trám bít hố rãnh, giáo dục vệ sinh răng miệng và kiểm soát mảng bám.

**Từ khóa:** Sâu răng, cao răng, viêm lợi, viêm quanh răng.

## SUMMARY

**Goals:** The purpose of this study is to report on oral health status and treatment need of schoolchildren in Ngọc Sơn Primary school, Kien An district, Hai Phong city. **Subject:** A random sample of 821 children was examined for caries and periodontal status using the examination form recommended in the manual "Who basic oral health survey method" (1997). **Method:** Descriptive study.

**Result:** The prevalence of caries was found as 66,02 percent, DMFT 0,80. The mean number of healthy, bleeding, calculus sextants was 2,80, 1,60 and 1,60. **Conclude:** The results indicate that early measures for caries treatment, i.e. pit and fissure sealing, oral health education and plaque control are needed.

**Keywords:** Tooth Decay, Calculus, Gingivitis, Periodontitis.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh sâu răng và bệnh Viêm quanh răng là hai bệnh phổ biến ở vùng răng miệng.

Bệnh sâu răng có từ khi có loài người. Nhưng nhiều thế kỷ trôi qua mà những sự hiểu biết về nó cũng như những biện pháp để phòng bệnh không có bước tiến bộ gì đáng kể. Phải chờ đến thế kỉ XX thì loài người mới tìm ra được nguyên nhân của bệnh sâu răng và những biện pháp phòng bệnh có hiệu quả. Bệnh sâu răng có đặc điểm là tiêu dần các chất vô cơ và hữu cơ ở men và ngà răng tạo thành lỗ sâu. Nếu điều trị không kịp thời sẽ gây viêm tuỷ, viêm quanh cuống răng và có thể mất răng. Sâu răng là bệnh phổ biến, mắc sớm và điều trị rất tốn kém.

Bệnh viêm quanh răng là bệnh viêm và thoái hoá các tổ chức quanh răng gồm: lợi, dây chằng răng, xương ổ răng và xương chân răng. Có thể gây mất răng hàng loạt, ảnh hưởng lớn đến sức nhai và sức khoẻ con người. Điều trị bệnh quanh răng rất khó khăn

ví như tứ chứng nan y vậy. Tỷ lệ viêm quanh răng thường tăng theo tuổi.

Điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng trên toàn quốc (2002) cho thấy tỷ lệ toàn bộ của bệnh sâu răng và chỉ số sâu mất trám đều tăng theo tuổi. Chỉ số sâu răng trong nhân dân rất cao, nhưng đáp ứng điều trị còn rất hạn chế. Vì vậy, nhu cầu chăm sóc bệnh răng miệng cho mỗi cá nhân và cộng đồng là rất cần thiết, mà hiện nay ngành y tế phải giải quyết.

Trường tiểu học Ngọc Sơn là trường nằm ở trung tâm của quận Kiến An, nước sinh hoạt là nguồn nước theo hệ thống nước máy, học sinh đa số là con cán bộ công chức. Trường này chưa được triển khai chương trình Nha học đường.

Trong bối cảnh đó, chúng tôi tiến hành công trình này nhằm ghi nhận tình hình sức khỏe răng miệng, chủ yếu là bệnh sâu răng và nha chu, xác định nhu cầu điều trị ở học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn. Kết quả nghiên cứu có được sẽ giúp hướng đến những biện pháp chăm sóc thích hợp.

Mục tiêu nghiên cứu nhằm xác định tình trạng sâu răng của học sinh gồm tỷ lệ hiện mắc, số trung bình SMT. Xác định tình trạng bệnh nha chu gồm tỷ lệ toàn bộ, chỉ số nhu cầu điều trị nha chu cộng đồng (CPITN). Đề xuất hướng giải quyết vấn đề chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Mẫu nghiên cứu

Gồm 821 học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn, tuổi từ 6-11.

### Phương pháp nghiên cứu

Đây là nghiên cứu cắt ngang mô tả, có sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn trực tiếp.

Huấn luyện định chuẩn (theo hướng dẫn về điều tra sức khỏe răng miệng của Tổ chức Sức khỏe Thế giới):

- Đội điều tra gồm 10 người: 5 điều tra viên, 5 thư ký được ghi chép.

- Đội được tập huấn kỹ các tiêu chuẩn đánh giá lâm sàng và tình trạng sâu răng, nha chu, nhu cầu điều trị, tình trạng vệ sinh răng miệng.

- Tập huấn qua hai giai đoạn: thuyết trình bằng phim slides và khám trực tiếp.

- Đánh giá tỷ lệ phần trăm nhất trí của các thành viên qua chỉ số kappa (0,7).

Thu thập và xử lý số liệu: qua khám lâm sàng và phỏng vấn với bảng câu hỏi. Sử dụng các phần mềm Excel và SPSS for Window 10.05 để phân tích. Sử dụng thống kê mô tả và thống kê suy lý.

### KẾT QUẢ

Bảng 1. Số lượng, tỷ lệ học sinh được khám theo giới

Giới	Số học sinh khám	Tỷ lệ %
Nam	385	46,89
Nữ	436	53,11
Tổng số	821	100

Bảng 2. Số lượng, tỷ lệ học sinh được khám theo tuổi

Tuổi	Số khám	tỷ lệ%
6-8 tuổi	465	56,64
9-11 tuổi	356	43,36
cộng	821	100

Bảng 3. Tỷ lệ phần trăm học sinh bị sâu răng

Số học sinh được khám	Số học sinh bị sâu răng	Tỷ lệ %
821	542	66,02

Bảng 4. Số trung bình Sâu mất trám răng(SMTR):

Số HS khám	Sâu (S)		Mất (S)		Trám (T)		SMT	
	Số R	TB	Số R	TB	Số R	TB	TB	Độ lệch chuẩn
821	637	0,80	16	0,02	16	0,02	0,80	± 1,65

Bảng 5: Số trung bình sâu mất Trám Mặt Răng (SMTMR)

N	SMT mặt nhẵn		SMT mặt hố rãnh		SMTMR	
	TB	Độ lệch	TB	Độ lệch	TB	Độ lệch
821	0.18	± 0.86	1.21	± 1.63	1.38	± 2.12

Bảng 6. Tỷ lệ toàn bộ học sinh có mô nha chu lành mạnh và bị bệnh

Số HS khám	Tỷ lệ % học sinh					
	Lành mạnh		Chảy máu lợi		Vôi răng	
	n	%	n	%	n	%
821	186	22.70	131	16.00	504	61.40

Bảng 7. Số trung bình sextant lành mạnh và có bệnh nha chu ở mỗi học sinh

Số HS khám	Số trung bình sextants					
	Lành mạnh		Chảy máu lợi		Vôi răng	
	Số sextants	TB	Số sextants	TB	Số sextants	TB
821	2299	2.80	1313	1.60	1314	1.60

Bảng 8. Tỷ lệ phần trăm học sinh có vệ sinh răng miệng tốt, mảng bám, vôi răng:

Số HS khám	Tỷ lệ % học sinh		
	Có VSRM tốt	Có mảng bám	Có vôi răng
821	8.6	92.43	61.40

Bảng 9. Nhu cầu điều trị bệnh sâu răng. Trung bình số răng sâu cần điều trị cho mỗi học sinh

Nhu cầu điều trị	Số răng	Số răng trung bình
Trám 1 mặt	788	0.96
Trám # 2 mặt	123	0.15
Chữa tủy	16	0.02
Nhổ	8	0.01
Trám dự phòng	1149	1.40

Bảng 10. Nhu cầu điều trị nha chu các mức độ

Số HS khám	Nhu cầu điều trị			
	% TN <sub>0</sub>	% TN <sub>1</sub>	% TN <sub>2</sub>	Số TB sextants có TN <sub>2</sub>
821	22.70	92.43	61.40	1.60

## BÀN LUẬN

### Tình hình bệnh sâu răng

- Tỷ lệ toàn bộ bệnh sâu răng tại trường tiểu học Ngọc Sơn được xếp vào mức độ thấp theo phân loại của WHO, và thấp hơn ở trường tiểu học Trần Thành Ngọ cùng địa bàn của Kiến An - Hải Phòng. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu khác của thành phố Hải Phòng.

Mức độ trầm trọng của bệnh sâu răng ở cộng đồng dân cư được phản ánh qua chỉ số SMTR (Sâu Mất Trám/ Răng). Kết quả SMT ở học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn được xếp vào mức thấp, trong đó Sâu là chủ yếu, còn Mất và Trám không đáng kể.

Phân loại của WHO:

SMT = 0 – 1,1 : rất thấp

SMT = 1,2 - 2,6 : thấp

SMT = 2,7 - 4,4 : trung bình

SMT ≥ 4,5 : cao

Trường tiểu học Ngọc Sơn: SMT = 0,80

Tổ chức sức khỏe Thế giới đề ra mục tiêu phấn đấu cho các nước đang phát triển đến năm 2000 là đạt được chỉ số SMT = 3 cho lứa tuổi 12, đây là mức độ trung bình của bệnh sâu răng. Các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng cộng đồng như chương trình nha học đường, các biện pháp sử dụng Fluor toàn thân, tại chỗ và các biện pháp dự phòng khác giúp tác động tốt hơn về cả diện rộng lẫn chất lượng, trong tương lai các thế hệ trẻ em sẽ có được tình trạng sức khỏe răng miệng khả quan hơn, trong đó bệnh sâu răng ngày càng giảm, cùng với ã phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống của nhân dân sẽ được cải thiện, ngành y tế địa phương cũng sẽ có nhiều điều kiện hơn để chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân nói chung và học sinh tiểu học tốt hơn nữa.

### Tình hình bệnh nha chu

Tỷ lệ % học sinh có vấn đề chung về nha chu khá cao, trong đó tỷ lệ có mảng bám rất cao (92.43%), tỷ lệ có vôi răng ở mức trung bình (61.40%) rất cần được quan tâm. Số trung bình sextants có vấn đề về Nha chu khá cao, bao gồm tình trạng chảy máu lợi và có vôi răng. Có sự gia tăng rất cao về tỷ lệ hiện mắc như viêm lợi 1,60%, vôi răng 61,40% và mảng bám 92,43%. Mảng bám, nếu hiện diện thường xuyên trên răng, sẽ là môi trường cho vi khuẩn phát triển và tấn công lợi gây viêm, tỷ lệ viêm lợi sẽ tiếp tục tăng. Mảng bám lâu ngày cũng sẽ làm tăng tỷ lệ vôi răng, lúc đó cá nhân không thể tự làm sạch được mà phải cần có sự can thiệp của chuyên khoa, một điều khó khăn thực tế vì ở nhiều địa phương chưa có đủ cán bộ cũng như trang thiết bị. Để giữ gìn vệ sinh răng miệng tốt, chải răng là việc làm quan trọng nhất. Chỉ khi nào mỗi học sinh biết chải răng đúng cách và có thói quen tự chải

răng thường xuyên mới có thể phòng ngừa hiệu quả được bệnh nha chu cũng như sâu răng.

#### **Nhu cầu điều trị**

Nhu cầu điều trị bệnh sâu răng nổi bật lên hai loại chính: trám răng sâu một mặt và trám dự phòng cho các răng có hố rãnh dễ bị sâu. Thực tế ở đây cho thấy có trên 66,02% học sinh bị sâu răng. Trong điều trị và dự phòng bệnh sâu răng ở người trẻ hoặc trẻ em, dự phòng sâu răng mặt hố rãnh là ưu tiên hàng đầu. Dự phòng không để sâu răng xảy ra là mục tiêu cao nhất, giúp cho mỗi người có được sức khỏe răng miệng tốt lâu dài. Điều trị sớm các sang thương sâu răng cũng có ý nghĩa dự phòng, không để bệnh thành nặng hoặc gây biến chứng, sẽ tránh hậu quả mất răng gây xáo trộn cắn khớp hoặc ảnh hưởng đến vấn đề dinh dưỡng về sau. Để giải quyết vấn đề này, nên lựa chọn kỹ thuật trám răng thích hợp, đó là kỹ thuật trám răng không sang chấn với glass ionomer cement, để đáp ứng được tối đa nhu cầu của học sinh.

- Nhu cầu điều trị bệnh nha chu: 92,43% học sinh có TN<sub>1</sub> và hơn 61.40% có TN<sub>2</sub>, đáng chú ý là số trung bình sextants vô vôi răng, giải quyết nhu cầu điều trị chảy máu lợi chủ yếu là tăng cường giáo dục vệ sinh răng miệng và hướng dẫn kỹ năng chải răng cho học sinh. Trong khi đó để giải quyết nhu cầu làm sạch cao răng, phải có cán bộ chuyên môn và trang thiết bị tối thiểu, vì tự mình, học sinh sẽ không thể làm sạch vôi răng được.

#### **KẾT LUẬN**

Khảo sát tình trạng sức khỏe răng miệng học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn cho thấy bệnh sâu răng hiện ở mức thấp, nhu cầu điều trị chủ yếu là trám dự phòng mặt hố rãnh và trám răng sâu một mặt; bệnh nha chu

có mức độ khá cao, nổi bật là mảng bám và vôi răng; nhu cầu điều trị cần thiết là điều trị sớm, điều trị dự phòng, giáo dục nha khoa và kiểm soát mảng bám.

#### **Một số đề xuất**

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh trường tiểu học Ngọc Sơn, Đặc biệt quan tâm đến khâu giáo dục rèn luyện kỹ năng tự vệ sinh răng miệng cho học sinh để làm giảm bệnh viêm lợi, sâu răng.

- Triển khai chương trình nha học đường tại trường tiểu học Ngọc Sơn để tăng cường phòng bệnh sâu răng, sử dụng Fluor tại chỗ như xúc miệng với nước có Fluor hoặc Vec-ni có Fluor.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Nhất. Nghiên cứu tỷ lệ và kiến thức hiểu biết về bệnh sâu răng của học sinh hai trường tiểu học Trần Thành Ngọ và Ngọc Sơn quận Kiến An Hải Phòng năm 2009. Luận văn thạc sĩ Y học.2009.

2. Trần Đức Thành, Hoàng Tử Hùng. Tình hình sức khỏe răng miệng của trẻ em tuổi 12 tại vùng có răng nhiễm Fluor. Tuyển tập công trình NCKH Răng Hàm Mặt, Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh, 2003. Tr 181-184.

3. Corter DF. Drinking water Fluoride levels, dental fluorosis and caries.

4. Hè Iler - KE. Dental fluorosis and dental caries at varying water Fluoride concentration, J - Public - Health - Dent, 57 (3): 136-43, summer 1997.

5. Ngo Dong Khanh - Oral health status in Vietnam in 1990. Thesis of master degree os Dental public health. Faculty of public health Mahidol University, 1995.

6. WHO. Global data on dental caries level for 12 years and 35-44 years, Geneva, 1997.

7. WHO. Oral health survey. Basic methods - 4th edition, Geneva, 1997.